

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 135/2019/DS-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất, hủy giấy chứng
nhận QSDĐ

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Hồng Điều
2. Ông Phạm Văn Tám

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 287/2019/TLST-DS ngày 13/6/2019 về việc “Tranh chấp QSDĐ, hủy giấy chứng nhận QSDĐ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 1246/2/4, Tỉnh lộ A, phường B, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị X: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền lập ngày 22/4/2019, có mặt)

Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T A, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp A, xã A T, huyện B L, tỉnh Long An (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T L, sinh năm 1987; Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị T D, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Ông Nguyễn Trung Ngh, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An (có mặt).

5. Ông Phạm T L, sinh năm: 1957 (chồng bà X); Địa chỉ: Số 1246/2/4, Tỉnh lộ A, phường B, quận B T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Phạm T L: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/10/2019, có mặt).

6. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê H H, Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B L (theo văn bản ủy quyền số 3872/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 08/10/2019, có văn bản đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 10/10/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X do bà Nguyễn Thị B đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Bà X là người đứng tên thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 48), tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An. Nguồn gốc thửa đất số 1637 là của bà Nguyễn Thị H cho bà X vào năm 2009 theo hợp đồng tặng cho QSDĐ được Ủy ban nhân dân xã L H chứng thực ngày 09/01/2009 với diện tích 100m² (ngang 4m, dài 25m), khi ký hợp đồng tặng cho có tiến hành đo đạc thực tế. Liền ranh với thửa đất số 1637 là thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48 do bà Trần Thị Ngọc G đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Quá trình sử dụng đất, bà G đã lấn sang phần đất của bà X có diện tích 28m² (ngang 4m, dài 7m) và bên bà G đã xây dựng hàng rào B40 vào tháng 3/2019 nên các bên xảy ra tranh chấp cho đến nay.

Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính do Công ty TNHH đo đạc nhà đất H Ph đo vẽ ngày 12/8/2019 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B L duyệt ngày 12/8/2019 thì bà X xác định vị trí tranh chấp với bà G được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m², các vị trí được ký hiệu Khu C, D, E, F, G thì bà X không có tranh chấp với các chủ đất liền kề. Do phần đất được ký hiệu Khu B, nằm trong thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48 bà Trần Thị Ngọc G được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CQ 922885, ngày 13/3/2019 nên bà X yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ số CQ 922885, ngày 13/3/2019.

Bà Nguyễn Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu bà Trần Thị Ngọc G trả lại phần đất lấn chiếm được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² (chiều ngang một cạnh là 3,8m, cạnh còn lại là 2,99m; chiều dài một cạnh là 5,28m, cạnh còn lại là 5,07m), thuộc một phần thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An do bà G đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ. Bà X yêu cầu nhận đất, không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ số CQ 922885 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà G ngày 13/3/2019, thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Ngọc G trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc G là vợ của ông Nguyễn Văn S và là con dâu của bà Nguyễn Thị H. Bà G và ông S có các người con gồm: Bà Nguyễn Thị T A, bà Nguyễn Thị T L, bà Nguyễn Thị T D, ông Nguyễn Trung Ngh; Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn S không còn người con nào khác.

Nguồn gốc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48 là của bà Nguyễn Thị H cho ông Nguyễn Văn S và bà G năm 2004, vợ chồng sử dụng từ đó cho đến nay, hiện trạng không có gì thay đổi; Sau khi ông S chết vào năm 2004 thì bà Nguyễn Thị H lấy lại thửa đất này và bán cho nhiều người khác, sau đó bà G có thương lượng và mua lại phần đất này của bà Trần Thị Ngọc Ng năm 2019, khi mua đất của bà Ng thì các bên có tiến hành đo đạc thực tế, có cắm cột mốc xác định ranh giới giữa các thửa đất. Đến ngày 13/3/2019 bà G kê khai và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp giấy nhận QSDĐ. Bà Trần Thị Ngọc G là người đứng tên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An.

Trên thửa đất số 100 hiện nay bà G có xây dựng một căn nhà cấp 4, sinh sống cùng các con của bà G. Quá trình sử dụng bà G có san lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào lưới B40, cắm cột bê tông xác định ranh giới giữa thửa đất 100 của bà G và thửa đất số 06 của bà X vào khoảng tháng 3/2019.

Bà Nguyễn Thị X khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc G trả lại phần đất lấn chiếm được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² thuộc một phần thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ số CQ 922885 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà G ngày 13/3/2019 thì bà Trần Thị Ngọc G không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X.

Đồng thời, nếu như Tòa án xử buộc bà G trả lại phần đất lấn chiếm được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² cho bà X thì bà G cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị X bồi thường chi phí san lấp mặt bằng, công sức tôn tạo gìn giữ phần đất tranh chấp tại vị trí khu B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T A, bà Nguyễn Thị T L, bà Nguyễn Thị T D, ông Nguyễn Trung Ngh thống nhất trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị T A, bà Nguyễn Thị T L, bà Nguyễn Thị T D, ông Nguyễn Trung Ngh là con ruột của bà Trần Thị Ngọc G và ông Nguyễn Văn S. Bà A, bà L, bà D, ông Ngh xác định bà G và ông S không còn người con nào khác. Bà A, bà L, bà D, ông Ngh thống nhất theo ý kiến trình bày của bà G, các ông bà không có ý kiến bổ sung gì thêm. Các ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Đồng thời, nếu như Tòa án xử buộc bà G trả lại phần đất lấn chiếm được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² cho bà X thì các ông bà cũng không yêu cầu bà Nguyễn Thị X bồi thường chi phí san lấp mặt bằng, công sức tôn tạo gìn giữ phần đất tranh chấp tại vị trí khu B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm T L do bà Nguyễn Thị B đại diện thống nhất trình bày như sau: Ông Phạm T L là chồng của bà Nguyễn Thị X. Ông Luôn thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà X, ông Luôn không có ý kiến bổ sung gì thêm.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An do ông Lê H H đại diện theo ủy quyền có văn bản đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt và thể hiện ý kiến như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 48), tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An của bà Nguyễn Thị H tặng cho bà Nguyễn Thị X vào năm 2009. Khi cấp giấy cho bà X có tiến hành đo đạc thực tế, nhưng không có lập biên bản ký giáp ranh với các thửa đất liền kề. Nguồn gốc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48 của bà Trần Thị Ngọc G nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị Ngọc Ng vào năm 2018, khi cấp giấy cho bà G có tiến hành đo đạc thực tế, có cắm cột mốc xác định ranh giới giữa các thửa đất. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà X và bà G là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Bà X và bà G đều xác định nguồn gốc phần đất các bên tranh chấp là nhận chuyển nhượng, tặng cho từ người khác. Bà X cho rằng quá trình sử dụng đất bà G đã lấn sang phần đất của bà X nên bà X khởi kiện yêu cầu bà G trả lại phần đất được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² (chiều ngang một cạnh là 3,8m, cạnh còn lại là 2,99m; chiều dài một cạnh là 5,28m, cạnh còn lại là 5,07m). Tại Công văn số 2505/UBND-VP ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Bến Lức và Văn bản số 1140/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 15/11/2019 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B L xác nhận khi cấp giấy cho bà X, bà G đều tiến hành đo đạc thực tế. Tuy nhiên, đối với phần đất của bà X thì khi cấp giấy không có lập biên bản ký giáp ranh, mốc giới với các thửa đất liền kề. Theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H Ph đo vẽ ngày 12/8/2019 thể hiện phần đất của bà X đo đạc thực tế có diện tích: Khu D (69,7m²) + Khu E (19,4m²) + Khu F (7,4m²) = 96,5m² là thiếu 3,5m² so với diện tích được cấp giấy nhưng bà X lại tranh chấp yêu cầu bà G trả lại phần đất được ký hiệu khu B có diện tích 19,5m² là không phù hợp. Đồng thời, tại phiên tòa bà B đại diện cho bà X xác nhận bà X không có quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp tại khu B mà vị trí này trước đây là cái ao nhỏ do gia đình bà G quản lý, sử dụng; quá trình sử dụng gia đình bà G đã san lấp mặt bằng có hiện trạng như hiện nay.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà X.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị X khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị Ngọc G. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp quyền sử dụng đất, hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét phần nội dung các đương sự thống nhất:

Bà X và bà G đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 6, tờ bản đồ số 48) và 100, tờ bản đồ số 48 các bên tranh chấp là nhận chuyển nhượng, tặng cho từ người khác.

Bà X và bà G xác định vị trí tranh chấp được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² (chiều ngang một cạnh là 3,8m, cạnh còn lại là 2,99m; chiều dài một cạnh là 5,28m, cạnh còn lại là 5,07m); các bên không tranh chấp phần đất được ký hiệu Khu C, có diện tích 1,1m²; Khu E, có diện tích 19,4m²; Khu F, có diện tích 7,4m²; Khu G, có diện tích 7,6m². Các đương sự không tranh chấp công trình xây dựng, cũng như công sức gìn giữ tôn tạo phần đất tranh chấp được ký hiệu Khu B.

[2.2] Xét phần nội dung các đương sự không thống nhất:

Xét, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bà X cung cấp cho tòa án chứng cứ là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà H và bà X được Ủy ban nhân dân xã L H ký chứng thực ngày 09/01/2009, để chứng minh cho nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của mình. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 197386, ngày 18/12/2008 thì bà Nguyễn Thị H là người đứng tên thửa đất số 1637, tờ bản đồ số 8, diện tích theo giấy là 100m² và tại trang chỉnh lý bổ sung đã chuyển tên sang bà Nguyễn Thị X ngày 02/2/2009. Như vậy, phần diện tích đất mà bà X được cấp giấy so với diện tích đo đạc thực tế bị thiếu là: $100\text{m}^2 - 69.7\text{m}^2 = 30.3\text{m}^2$.

Xét, chứng cứ do bị đơn cung cấp: Bà G cung cấp cho tòa án chứng cứ là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà G và bà Ng được Văn phòng công chứng Bến Lức ký công chứng ngày 20/11/2018. Để chứng minh cho nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của mình. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 1980655, ngày 07/02/2018 thì bà G là người đứng tên thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, diện tích theo giấy là 167m². Như vậy, phần diện tích đất mà bà G được cấp giấy so với diện tích đo đạc thực tế là: 167m².

Theo mảnh trích đo bản đồ địa chính khu đất tranh chấp của Công ty TNHH đo đạc nhà đất H Ph đo vẽ ngày 12/8/2019 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B L phê duyệt ngày 12/9/2019 thể hiện có sự sơ dịch về quyền sử dụng đất trong quá trình sử dụng đất, phần đất của bà X bị các thửa đất liền kề lấn ranh dẫn đến diện tích sử dụng thực tế và diện tích theo giấy của bà X bị thiếu, cụ thể: Thửa đất số 08 lấn sang thửa đất của bà X được ký hiệu Khu E = 19,4m², Thửa đất số 99 lấn sang thửa đất của bà X được ký hiệu khu F = 7,4m², tổng công là $19,4\text{m}^2 + 7,4\text{m}^2 = 26,8\text{m}^2$; còn thửa đất số 100 của bà G không thể hiện có sự sơ dịch, lấn ranh trong quá trình sử dụng đất.

Mặt khác, tại Công văn số 1140/CV-CNVPĐKĐĐ ngày 15/11/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B L xác nhận khi cấp giấy cho bà X, bà G đều tiến hành đo đạc thực tế. Tuy nhiên, đối với phần đất của bà X thì khi cấp giấy không có lập biên bản ký giáp ranh, mốc giới với các thửa đất liền kề là thửa số 08, 99, 07 nên dẫn đến có sự sơ dịch ranh giới, mốc giới làm cho phần đất thuộc thửa số 06 của bà X thực tế sử dụng bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nhà nước cấp.

Từ những phân tích trên, bà X khởi kiện yêu cầu bà G trả lại phần đất lấn chiếm được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² (chiều ngang một cạnh là 3,8m, cạnh còn lại là 2,99m; chiều dài một cạnh là 5,28m, cạnh còn lại là 5,07m) và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 922885 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà G ngày 13/3/2019, thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị X phải chịu toàn bộ với số tiền là 12.500.000đồng.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 165, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 99, 100, 170, 203 của Luật Đất đai 2013;

Căn cứ các Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị X về việc:

- Yêu cầu bà Trần Thị Ngọc G trả lại phần đất lấn chiếm được ký hiệu Khu B, có diện tích đo đạc thực tế là 19,5m² (chiều ngang một cạnh là 3,8m, cạnh còn lại là 2,99m; chiều dài một cạnh là 5,28m, cạnh còn lại là 5,07m), thuộc một phần thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An.

- Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ 922885 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho bà Trần Thị Ngọc G ngày 13/3/2019, thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 48, tọa lạc tại Ấp A, xã L H, huyện B L, tỉnh Long An.

2. Về chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ: Bà Nguyễn Thị X phải chịu toàn bộ số tiền 12.500.000đồng (bà X đã nộp xong).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng bà Nguyễn Thị X đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 000.5444 ngày 13/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Đông